|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số 02-Q/ĐTCN-HO**  *(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)* |  | **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG  CHĂN NUÔI LỢN CỦA HỘ  Thời điểm: ....../....../20... |

*Hộ số*

**Hộ điều tra thuộc nhóm:**……………………………………………………………….

*(Ghi mã số tương ứng theo quy mô nuôi lợn trong phụ lục II)*

|  |
| --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: *....................................................................................................* |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ............................................................................... |
| Xã/phường/thị trấn: .................................................................................................. |
| Thôn/ấp/bản/tổ dân phố: .............................................................................................................. |
| Họ và tên chủ hộ: .................................................................Điện thoại liên hệ: ………….………………...  Dân tộc............................. |
|  |

|  |
| --- |
| *Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:*   * *Toàn bộ vật nuôi tại cơ sở chăn nuôi của hộ, bao gồm vật nuôi của hộ và vật nuôi hộ nhận nuôi gia công của đơn vị khác (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác, hộ khác);* * *Không bao gồm vật nuôi của hộ thuê đơn vị khác nuôi gia công tại cơ sở chăn nuôi khác.* |

**I. Thông tin về chăn nuôi lợn**

1. Số lượng lợn của hộ có tại thời điểm […]  *Đơn vị tính: Con*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mã số | Tổng số | Tên chỉ tiêu | Mã số | Tổng số |
| A | B | 1 | A | B | 1 |
| Tổng số lợn (01=02+04+05+06) | 01 |  | 2) Lợn con chưa tách mẹ | 04 |  |
| 1) Lợn nái | 02 |  | 3) Lợn đực giống | 05 |  |
| *Trong đó*: Lợn nái đẻ | 03 |  | 4) Lợn thịt | 06 |  |

2. Thông tin chi tiết về số lượng lợn thịt chia theo nhóm trọng lượng  *Đơn vị tính: Con*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mã số | Số lượng tại thời điểm […] | Số lượng đưa vào nuôi trong 03 tháng qua | Số lượng bị chết  trong 03 tháng qua  *(Do dịch bệnh, thiên tai)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| Tổng số lợn thịt (01=02+...+06) | 01 |  |  |  |
| Lợn thịt dưới 30 kg | 02 |  |  |  |
| Lợn thịt từ 30 đến dưới 50 kg | 03 |  |  |  |
| Lợn thịt từ 50 đến dưới 70 kg | 04 |  |  |  |
| Lợn thịt từ 70 đến dưới 90 kg | 05 |  |  |  |
| Lợn thịt từ 90 kg trở lên | 06 |  |  |  |

3. Sản phẩm chăn nuôi lợn của hộ xuất chuồng trong 03 tháng qua

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mã số | Số lượng xuất chuồng  *(Con)* | Trọng lượng xuất chuồng  *(Kg)* | *Bán ra*  *(Không bao gồm sản phẩm nhận nuôi gia công)* | | |
| Số lượng  *(Con)* | Trọng lượng  *(Kg)* | Doanh thu *(Triệu đồng)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Lợn thịt | 01 |  |  |  |  |  |
| Lợn nái đẻ | 02 |  |  |  |  |  |
| Lợn sữa | 03 |  |  |  |  |  |

**II. Thông tin về tình hình xử lý chất thải chăn nuôi lợn trong 12 tháng qua**

*(Phần thông tin này chỉ thu thập vào kỳ điều tra 01/01 hàng năm)*

4. Hộ có xử lý chất thải chăn nuôi lợn không? (ĐÁNH DẤU X VÀO Ô THÍCH HỢP)

1 CÓ 2 KHÔNG>> Câu 7

5. Phương pháp xử lý chủ yếu đối với chất thải chăn nuôi lợn của hộ trong 12 tháng qua?

(ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT Ô THÍCH HỢP)

1 Chôn, đốt 2 Ủ phân (ủ phân compost)

3 Biogas (hầm khí sinh học) 4 Dùng chế phẩm sinh học (men sinh học, đệm lót sinh học)

5 Máy ép tách phân 6 Khác (ghi rõ...........................)

6. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi lợn được xử lý khi áp dụng phương pháp xử lý chủ yếu ở Câu 5?.................%

7. Trường hợp hộ không xử lý chất thải chăn nuôi lợn thì hộ sử dụng chất thải chăn nuôi lợn chủ yếu vào mục đích gì?

1 Bán, cho bên ngoài 2 Thải trực tiếp ra môi trường

3 Khác (ghi rõ...........................)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | *Ngày…… tháng ….. năm 20...*  **Người cung cấp thông tin**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |